TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ất.

2. Bà Đỗ Thị Mau.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Quốc Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1963 - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số 7, đường P, tổ 4, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm 1969;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ánh Ng: Ông Nguyễn Ngọc L (văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020) - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; Cùng chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2, phường Nghĩa T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Vợ chồng ông L, bà Ng là anh em kết nghĩa của gia đình cháu của bà N là anh Trần Văn T, do tin tưởng nên bà N có cho ông L và bà Ng vay tiền nhiều lần và đến ngày 15/01/2018 ông L và bà Ng chốt nợ vay của bà N số tiền là 7.400.000.000 đồng, ông L và bà Ng viết giấy cho mượn tiền đề ngày 15/01/2018 và ký dưới mục BÊN MƯỢN, giấy mượn tiền không ghi mức lãi suất, hẹn đến ngày 15/01/2019 ông L và bà Ng sẽ trả đủ tiền gốc trên và tiền lãi cho bà N. Tuy nhiên, bà N đã nhiều lần gặp ông L và bà Ng để yêu cầu trả nợ nhưng ông L, bà Ng trốn tránh không trả tiền vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N khai nhận các bên có thỏa thuận lãi suất của tiền vay là 10%/năm và bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải trả cho bà N tổng số tiền là 7.622.000.000đ (bảy tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 7.400.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính từ ngày 15/01/2018 đến ngày 30/6/2020 là 222.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm.

Theo ông Nguyễn Ngọc L là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày:

Vợ chồng ông là Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng có vay tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc N nhiều lần, đến ngày 15/01/2018 vợ chồng ông L và bà N tiến hành chốt nợ với số tiền gốc là 7.400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 10%/năm, hẹn đến ngày 15/01/2019 sẽ trả tiền gốc và tiền lãi. Hai bên có làm giấy cho mượn tiền ngày 15/01/2018, ông L và vợ của ông L là Nguyễn Thị Ánh Ng ký nhận dưới mục BÊN MƯỢN (Ký, ghi rõ họ tên), vợ, chồng.

Nhưng do vợ chồng ông L làm ăn thất bại, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nợ nần, nên nhiều lần bà N yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông không có điều kiện trả.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông L, bà Ng phải trả cho bà N tổng số tiền là 7.622.000.000đ (bảy tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu đồng), trong đó: Tiền nợ gốc là 7.400.000.000 đồng; tiền nợ lãi tạm tính từ ngày 15/01/2018 đến ngày 30/6/2020 là 222.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm, ông L đồng

ý trả nợ và xin được trả 30.000.000 đồng/02 tháng, bắt đầu từ 15/11/2020 cho đến khi trả hết nợ cho bà N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N, bị đơn ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải trả cho bà N tổng số tiền là 7.622.000.000 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 7.400.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 15/01/2018 đến ngày 30/6/2020 với lãi suất 10%/năm là 222.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; bị đơn là ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 5, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; Chỗ ở hiện nay tại tổ dân phố 2, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N:

Quá trình giải quyết các đương sự đều thừa nhận bà Nguyễn Thị Ngọc N có cho ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng vay tiền nhiều lần. Đến ngày 15/01/2018 ông L và bà Ng chốt nợ vay của bà N số tiền là 7.400.000.000 đồng, ông L và bà Ng viết giấy cho mượn tiền đề ngày 15/01/2018 và ký dưới mục BÊN MƯỢN, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 10%/năm, hẹn đến ngày 15/01/2019 ông Long và bà Nguyên sẽ trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho bà N. Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có thỏa thuận lãi theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Về mức lãi suất các đương sự đã thỏa thuận là 10%/năm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận nợ và đưa ra phương án trả nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý, do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 7.400.000.000đ (bảy tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi suất theo mức lãi suất mà các đương sự đã thỏa thuận là 10%/năm tính từ ngày chốt nợ vay (ngày 15/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2020), cụ thể tiền lãi như sau: Số tiền 7.400.000.000 đồng từ ngày 15/01/2018 đến ngày xét xử ngày 29/9/2020 là 32 tháng 14 ngày (7.400.000.000 đồng x 32 tháng 14 ngày x 10%/năm) = 1.994.102.666 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi cần buộc ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N là (7.400.000.000 đồng + 1.994.102.666 đồng) = 9.394.102.666đ (chín tỷ ba trăm chín mươi bốn triệu một trăm linh hai nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Vì vậy, căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 9.394.102.666 đồng là 112.000.000 đồng + 0,1% x 5.394.102.666 đồng = 117.394.102 đồng (làm tròn thành 117.394.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc N đối với ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng.

Buộc ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc N tổng số tiền 9.394.102.666đ (chín tỷ ba trăm chín mươi bốn triệu một trăm linh hai nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó: Tiền gốc là 7.400.000.000 đồng và tiền lãi là 1.994.102.666 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc N có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng không trả số tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải chịu 117.394.000 đồng (một trăm mười bảy triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 57.811.000đ (năm mươi bảy triệu tám trăm mười một nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông Tạ Văn L đã nộp thay bà Nguyễn Thị Ngọc N theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002265 ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Lê Xuân Diệu